

Bản án số: 437/2019/DS-ST

Ngày: 22-10-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thế Đức - Kiểm Sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần.

Địa chỉ trụ sở: 236 đường Nam Kỳ Khởi N, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Lê Thị Kim T, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: 210 đường Nam Kỳ Khởi N, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Là người đại diện theo ủy quyền, Giấy ủy quyền số: 1962/UQ-CSVN ngày 10/12/2018).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị Minh N, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: 266/284 đường Nguyễn Tri P, Phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lâm Chấn Q, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: 70 đường Dương Đình N, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/5/2007 bà Trần Minh N cùng chồng là ông Lâm Chấn Q có ký hợp đồng tín dụng số 60/2007/HĐNH với Công ty Tài chính Cao S (nay đã được sáp nhập vào Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần). Theo hợp đồng, Công ty Tài chính Cao S cho ông Q, bà N vay 200.000.000 đồng với lãi suất 1,05%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,575%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để sửa nhà và mua sắm vật dụng gia đình.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Q, bà N đã ký kết với Công ty Tài chính Cao S hợp đồng thế chấp tài sản số 63/HĐTC-2007 ngày 22/5/2007. Theo hợp đồng này, ông Q, bà N thế chấp cho Công ty Tài chính Cao S một xe ô tô con 05 chỗ ngồi, hiệu: FORD, số loại: ESCAPE XLT, màu sơn: đen, số máy: AJ-315815, số khung: FHBMERP3KL-01506, biển số: 52V-5031 do bà Trần Thị Minh N đứng tên chủ xe. Sau khi ký kết hợp đồng thế chấp, ông Q, bà N là người trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản thế chấp. Công ty Tài chính Cao S giữ bản chính Đăng ký xe Ô tô số: AO324392 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 12 năm 2005 cho bà Trần Thị Minh N.

Ngày 22/5/2007, Công ty Tài chính Cao S đã giải ngân số tiền 200.000.000 đồng cho ông Q, bà N theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông Q, bà N mới trả cho Công ty Tài chính Cao S được 22.050.000 đồng tiền lãi.

Ngày 22/9/2015, Công ty Tài chính Cao S được sáp nhập vào Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam (nay đổi tên là: Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần).

Ngày 11/12/2018, Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Tập đoàn Cao S) khởi kiện ông Q, bà N để thu hồi nợ vay. Tại phiên tòa, Tập đoàn Cao S yêu cầu ông Q, bà N phải trả cho Tập đoàn Cao S 200.000.000 đồng tiền nợ gốc và khoản tiền lãi còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 404.853.399 đồng. Ngoài ra, Tập đoàn Cao S còn yêu cầu ông Q, bà N phải trả lãi phát sinh trên nợ gốc sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng số 60/2007/HĐNH ngày 18/5/2007. Trường hợp ông Q, bà N không trả nợ thì Tập đoàn Cao S yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 63/HĐTC-2007 ngày 22/5/2007 để thu hồi nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã

tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử nên đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Tập đoàn Cao S yêu cầu bà Trần Thị Minh N và ông Lâm Chấn Q trả nợ vay, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Q, bà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng ông Q, bà N không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án làm bản khai để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình, do đó Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án. Mặt khác, ông Q, bà N vắng mặt tại phiên hòa giải và nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay ông Q, bà N vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào Quyết định số: 1634/QĐ-TTg ngày 22/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ thì Công ty Tài chính Cao S được sáp nhập vào Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam (nay đổi tên là: Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần). Do đó, Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần được quyền khởi kiện ông Lâm Chấn Q và bà Trần Thị Minh N để thu hồi nợ.

Xét Giấy ủy quyền số: 1962/UQ-CSVN ngày 10/12/2018 của ông Huỳnh Văn B là người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần ủy quyền cho bà Lê Thị Kim T tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu về tiền gốc: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đòi bị đơn trả nợ gốc 200.000.000 đồng. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 60/2007/HĐNH ngày 18/5/2007 và Khế ước nhận nợ vay ngày 22/5/2007, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định bị đơn có vay nguyên đơn 200.000.000 đồng để sửa nhà và mua sắm vật dụng gia đình. Căn cứ vào Bảng thống kê công nợ của nguyên đơn cho thấy từ ngày vay cho đến nay bị đơn vẫn chưa trả cho nguyên đơn khoản nợ gốc. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc vợ chồng ông Lâm Chấn Q và bà Trần Thị Minh N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần khoản nợ gốc 200.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của nguyên đơn cho thấy tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng với bị đơn thì nguyên đơn được phép cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn như một tổ chức tín dụng. Do đó lãi suất trong hợp tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn được điều chỉnh theo Luật các tổ chức tín dụng. Theo Hợp đồng tín dụng số hợp đồng tín dụng số 60/2007/HĐNH ngày 18/5/2007 thì nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận với nhau về mức lãi suất vay là 1,05%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,575%/tháng. Xét thấy, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ vào Bảng thống kê công nợ của nguyên đơn cho thấy khoản lãi phát sinh còn lại của bị đơn đối với nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 404.853.399 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần buộc vợ chồng ông Lâm Chấn Q và bà Trần Thị Minh N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần khoản nợ lãi còn lại là 404.853.399 đồng.

[2.3] Xét hợp đồng thế chấp tài sản của nguyên đơn với bị đơn: Xét thấy để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, ngày 22/5/2007 nguyên đơn và bị đơn đã ký kết với nhau hợp đồng thế chấp tài sản số 63/HĐTC-2007 ngày 22/5/2007. Theo hợp đồng, nguyên đơn thế chấp cho bị đơn một xe ô tô con 05 chỗ ngồi, hiệu: FORD, số loại: ESCAPE XLT, màu sơn: đen, số máy: AJ-315815, số khung: FHBMERP3KL-01506, biển số: 52V-5031 do bà Trần Thị Minh N đứng tên chủ xe.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp tài sản số 63/HĐTC-2007 ngày 22/5/2007 được công chứng tại Phòng Công chứng số 02, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị pháp lý và có nghĩa vụ ràng buộc giữa các bên. Xét bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay cho nguyên đơn nên nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc vợ chồng ông Lâm Chấn Q và bà Trần Thị Minh N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần số tiền 604.853.399 (sáu trăm linh bốn triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi chín) đồng: Trong đó nợ gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, nợ lãi còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 404.853.399 (bốn trăm linh bốn triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm chín mươi chín) đồng thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngay sau khi ông Lâm Chấn Q và bà Trần Thị Minh N thanh toán xong số tiền còn phải thi hành cho Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần thì Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần có trách nhiệm giải chấp và hoàn trả cho ông Lâm Chấn Q và bà Trần Thị Minh N bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 63/HĐTC-2007 ngày 22/5/2007) gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: AO324392 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 12 năm 2005 cho bà Trần Thị Minh N.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Lâm Chấn Q và bà Trần Thị Minh N không trả hoặc trả không đầy khoản nợ vay thì Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp (theo hợp đồng thế chấp tài sản số 63/HĐTC-2007 ngày 22/5/2007) để thu hồi nợ.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 23/10/2019 trên số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc, theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 60/2007/HĐNH ngày 18/5/2007.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Lâm Chấn Q và bà Trần Thị Minh N có nghĩa vụ liên đới chịu 28.194.135 đồng (hai mươi tám triệu, một trăm chín mươi tư nghìn, một trăm ba mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Tập đoàn Công nghiệp Cao S Việt Nam - Công ty cổ phần số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.561.178 đồng (mười ba triệu, năm trăm sáu mươi một nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0016826 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Hương